

Bài 4 NẾU KHÔNG MAY BỊ LẠC

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

- 1. Phát triển kỹ năng đọc** thông qua việc đọc đúng, rõ ràng một VB tự sự ngắn và đơn giản, kể lại một trải nghiệm của người kể ở ngôi thứ ba, có dẫn trực tiếp lời nhân vật; hiểu và trả lời đúng các câu hỏi có liên quan đến VB; quan sát, nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh được quan sát.
- 2. Phát triển kỹ năng viết** thông qua hoạt động viết lại đúng câu trả lời cho câu hỏi trong VB đọc; hoàn thiện câu dựa vào những từ ngữ cho sẵn và viết lại đúng câu đã hoàn thiện; nghe viết một đoạn ngắn.
- 3. Phát triển kỹ năng nói và nghe** thông qua trao đổi về nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh.
- 4. Phát triển phẩm chất và năng lực chung:** ý thức nghe lời cha mẹ, tình cảm gắn bó đối với gia đình; khả năng làm việc nhóm; khả năng nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt câu hỏi.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức ngữ văn

- GV nắm được đặc điểm của VB tự sự kể lại một trải nghiệm của người kể ở ngôi thứ ba (tuy không phải là VB thông tin, nhưng các chi tiết trong VB có tính chân thực, gắn gũi với đời sống hằng ngày của HS); nắm được nội dung của VB *Nếu không may bị lạc*, cách thể hiện đặc điểm nhân vật và quan hệ giữa các nhân vật trong VB.
- GV nắm được nghĩa của các từ ngữ khó trong VB (*đông như hội, mãi mê, ngoảnh lại, suýt*) và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.

2. Kiến thức đời sống

GV nắm được những kĩ năng HS tiểu học cần có để bảo vệ bản thân khi ở nơi đông người như công viên, bến tàu hoặc khi bị lạc (cần nhớ số điện thoại của bố mẹ; bình tĩnh; nhớ thống nhất về điểm hẹn và tìm về điểm hẹn; nhờ sự giúp đỡ của nhân viên bảo vệ, công an; không đi theo người lạ;...).

3. Phương tiện dạy học

tranh minh họa có trong SHS được phóng to hoặc phần mềm máy tính phù hợp, máy chiếu, màn hình, bảng thông minh.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn và khởi động

- Ôn: HS nhắc lại tên bài học trước và nói về một số điều thú vị mà HS học được từ bài học đó.
- Khởi động:
 - + GV yêu cầu HS quan sát tranh và trao đổi nhóm để trả lời các câu hỏi. (a. *Bạn nhỏ đang ở đâu? Vì sao bạn ấy khóc?* b. *Nếu gặp phải trường hợp như bạn nhỏ, em sẽ làm gì?*)
 - + Một số (2 – 3) HS trả lời câu hỏi. Các HS khác có thể bổ sung nếu câu trả lời của các bạn chưa đầy đủ hoặc có câu trả lời khác.
 - + GV và HS thống nhất nội dung câu trả lời, sau đó dẫn vào bài đọc *Nếu không may bị lạc*.

2. Đọc

- GV đọc mẫu toàn VB.
- GV hướng dẫn HS luyện phát âm từ ngữ có vần mới.
 - + HS làm việc nhóm đôi để tìm từ ngữ có vần mới trong bài đọc (*ngoảnh lại*).
 - + GV đưa từ *ngoảnh lại* lên bảng và hướng dẫn HS đọc. GV đọc mẫu vần *oanh* và từ *ngoảnh lại*, HS đọc theo đồng thanh.
 - + Một số (2 – 3) HS đánh vần, đọc trơn, sau đó, cả lớp đọc đồng thanh một số lần.
- HS đọc câu
 - + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lần 1. GV hướng dẫn HS đọc một số từ ngữ có thể khó đối với HS (*ngoảnh, hoảng, suýt, hương, đường*).
 - + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lần 2. GV hướng dẫn HS đọc những câu dài. (VD: *Sáng chủ nhật, bố cho Nam và em đi công viên; Nam cứ mãi mê xem, hết chỗ này/ đến chỗ khác.*)
- HS đọc đoạn
 - + GV chia VB thành các đoạn (đoạn 1: từ đầu đến *lá cờ rất to*; đoạn 2: phần còn lại)
 - + Một số HS đọc nối tiếp từng đoạn, 2 lượt.

- + GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong bài. (*đông như hội*: rất nhiều người; *mải mê*: ở đây có nghĩa là tập trung cao vào việc xem đến mức không còn biết gì đến xung quanh; *ngoảnh lại*: quay đầu nhìn về phía sau lưng mình; *suýt* (khóc): gần khóc).
- + HS đọc đoạn theo nhóm.
- HS và GV đọc toàn VB
- + 1 – 2 HS đọc thành tiếng toàn VB.
- + GV đọc lại cả VB và chuyển tiếp sang phần trả lời câu hỏi.

TIẾT 2

3. Trả lời câu hỏi

- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để tìm hiểu VB và trả lời các câu hỏi. (a. *Bố cho Nam và em đi chơi ở đâu?* b. *Khi vào cổng, bố dặn hai anh em Nam thế nào?* c. *Nhờ lời bố dặn, Nam đã làm gì?*)
 - HS làm việc nhóm (có thể đọc to từng câu hỏi), cùng nhau trao đổi về câu trả lời cho từng câu hỏi.
 - GV đọc từng câu hỏi và gọi đại diện một số nhóm trình bày câu trả lời của mình. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá. GV và HS thống nhất câu trả lời. (a. *Bố cho Nam và em đi chơi ở công viên;* b. *Khi vào cổng, bố dặn hai anh em Nam nếu không may bị lạc thì nhớ đi ra cổng có lá cờ;* c. *Nhờ lời bố dặn, Nam đi theo hướng tấm biển chỉ đường để đi ra cổng.*)
- Lưu ý: GV có thể chủ động chia nhỏ câu hỏi hoặc bổ sung câu hỏi để dẫn dắt HS (nếu cần).

4. Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi a ở mục 3

- GV nhắc lại câu trả lời đúng cho câu hỏi a (có thể trình chiếu lên bảng một lúc để HS quan sát) và hướng dẫn HS viết câu trả lời vào vở. (*Bố cho Nam và em đi chơi ở công viên.*).
- GV lưu ý HS viết hoa chữ cái đầu câu, đặt dấu chấm, dấu phẩy đúng vị trí.
- GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.

TIẾT 3

5. Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở

- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để chọn từ ngữ phù hợp và hoàn thiện câu.
- GV yêu cầu đại diện một số nhóm trình bày kết quả. GV và HS thống nhất câu hoàn thiện. (*Uyên không hoảng hốt khi bị lạc.*)
- GV yêu cầu HS viết câu hoàn chỉnh vào vở.
- GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.

6. Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung để nói: *Nếu chẳng may bị lạc, em sẽ làm gì?*

- GV giới thiệu tranh và hướng dẫn HS quan sát tranh.
- GV yêu cầu HS làm việc nhóm, quan sát tranh và trao đổi trong nhóm theo nội dung tranh, có dùng các từ ngữ đã gợi ý.
- GV gọi một số HS trình bày kết quả nói theo tranh.
- HS và GV nhận xét.
- GV có thể gợi ý HS nói thêm về lí do không được đi theo người lạ, về cách nhận diện những người có thể tin tưởng, nhờ cậy khi bị lạc như công an, nhân viên bảo vệ,... để giúp HS củng cố các kĩ năng tự vệ khi bị lạc.

TIẾT 4

7. Nghe viết

- GV đọc to cả đoạn văn. (*Nam bị lạc khi đi chơi công viên. Nhờ lời dặn, Nam tìm đến điểm hẹn, gặp lại bố và em.*)
- GV lưu ý HS một số vấn đề chính tả trong đoạn viết.
 - + Viết lùi đầu dòng. Viết hoa chữ cái đầu câu và tên riêng của Nam, kết thúc câu có dấu chấm.
 - + Chữ dễ viết sai chính tả: *công viên, lạc, điểm.*
- GV yêu cầu HS ngồi đúng tư thế, cầm bút đúng cách.
- Đọc và viết chính tả:
 - + GV đọc từng câu cho HS viết. Những câu dài cần đọc theo từng cụm từ (*Nam bị lạc/ khi đi chơi công viên. Nhờ lời dặn,/ Nam tìm đến điểm hẹn,/ gặp lại bố và em.*). Mỗi cụm từ và câu ngắn đọc 2 – 3 lần. GV cần đọc rõ ràng, chậm rãi, phù hợp với tốc độ viết của HS.
 - + Sau khi HS viết chính tả, GV đọc lại một lần toàn đoạn văn và yêu cầu HS rà soát lỗi.
 - + HS đổi vở cho nhau để rà soát lỗi.
 - + GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.

8. Tìm trong hoặc ngoài bài đọc *Nếu không may bị lạc* từ ngữ có tiếng chứa vần *im, iêm, ep, êp*

- GV nêu nhiệm vụ và lưu ý HS từ ngữ cần tìm có thể có ở trong bài hoặc ngoài bài.
- HS làm việc nhóm đôi để tìm và đọc thành tiếng từ ngữ có tiếng chứa các vần *im, iêm, ep, êp.*
- HS nêu những từ ngữ tìm được. GV viết những từ ngữ này lên bảng.

9. Trò chơi *Tim đường về nhà*

- GV giải thích nội dung trò chơi *Tim đường về nhà*. Thỏ con bị lạc và đang tìm đường về nhà. Trong số ba ngôi nhà, chỉ có một ngôi nhà là nhà của thỏ. Để về được đến

nhà của mình, thỏ con phải chọn đúng đường rẽ ở những nơi có ngã ba, ngã tư. Ở mỗi nơi như thế đều có thông tin hướng dẫn. Muốn biết được thông tin đó thì phải điền *r/ d* hoặc *gi* vào chỗ trống. Đường về nhà thỏ sẽ đi qua những vị trí có từ ngữ chứa *gi*. Hãy điền chữ phù hợp vào chỗ trống để giúp thỏ tìm đường về nhà và tô màu cho ngôi nhà của thỏ.

- HS làm việc theo nhóm để tìm đường về nhà thỏ.
- GV gọi đại diện một số nhóm trình bày kết quả.
- GV và HS thống nhất phương án phù hợp.
- HS điền và nối các từ ngữ tạo thành đường về nhà của thỏ.

10. Củng cố

- GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính.
 - HS nêu ý kiến về bài học (hiểu hay chưa hiểu, thích hay không thích, cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào). GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.
 - GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.
- 